

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CHÍNH SÁCH KHÔNG THU HỌC PHÍ CỦA SINH VIÊN SƯ PHẠM Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Phạm Thị Thúy Hồng

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

Email: hongvnies@gmail.com

Article History

Received: 25/4/2020

Accepted: 11/5/2020

Published: 25/5/2020

Keywords

policy impact, pedagogical students, tuition fees, assessment.

ABSTRACT

Education in Vietnam is facing the challenges of building human resources, meeting the development requirements of the 4.0 revolution. The Party and the State have identified the important role of education and training as a key stage which decides the quality of human resources. The research paper assesses the impact of the non-tuition policy on pedagogical students in Vietnam today. Evaluating the impact of non-tuition policy on pedagogical students helps to analyze the positive and negative impacts on each group of objects affected by the policy, thereby comparing with policy goals to have to appropriate adjustment.

1. Mở đầu

Giáo dục Việt Nam đang đứng trước những thách thức về xây dựng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu phát triển của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, Đảng và Nhà nước ta đã xác định vai trò quan trọng của giáo dục và đào tạo là khâu then chốt, quyết định chất lượng nguồn nhân lực. Chính sách không thu học phí của sinh viên sư phạm (SVSP) đã được quy định tại Điều 89 của Luật Giáo dục 2005 (Quốc hội, 2005). Đến nay, việc thực hiện chính sách đã có nhiều tác động tích cực, thay đổi chất lượng đào tạo SVSP.

Tuy nhiên, mỗi chính sách được xây dựng sẽ có mục tiêu riêng và phù hợp với từng giai đoạn phát triển. Thực tiễn hiện nay cho thấy, chính sách không thu học phí của SVSP cho đến nay đã không còn tác động mạnh mẽ đến SV nên cần đánh giá mức độ tác động thực hiện chính sách, từ đó có những điều chỉnh kịp thời. Bên cạnh đó, trong quá trình thực hiện chính sách, sau một khoảng thời gian, chúng ta cần đánh giá tác động của chính sách để có những điều chỉnh phù hợp, tránh lãng phí nguồn ngân sách của Nhà nước. Bài viết đánh giá tác động chính sách không thu học phí của SVSP, làm căn cứ điều chỉnh chính sách cho phù hợp với giai đoạn phát triển giáo dục hiện nay.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Một số khái niệm cơ bản

2.1.1. Thực thi chính sách

Đây là quá trình chuyển các hoạt động của chính sách đã được lập trong kế hoạch thành các hoạt động trong thực tiễn. Các hoạt động cần bảo đảm không chỉ về mặt hành chính, tài chính, vật chất như đã phân bố mà còn cần giải quyết được các vấn đề phát sinh. Do vậy, một số nguyên tắc cần chú trọng như: xem xét bối cảnh liên quan đến những cản trở thực thi chính sách; phản hồi kịp thời sau khi đánh giá lại các khía cạnh quyết định chính sách và các điều chỉnh; chuyển các ý định chính sách thành các công việc cụ thể để có thể đánh giá và điều chỉnh. Phát sinh và xử lý phát sinh trong quá trình thực hiện chính sách, nếu cơ chế xử lý được chuẩn bị tốt thì quá trình thực hiện chính sách sẽ càng hiệu quả.

Triển khai chính sách là giai đoạn quan trọng vì những khó khăn nảy sinh trong thực tiễn có thể sẽ dẫn đến ảnh hưởng tới mục tiêu và nội dung của chính sách. Do đó, việc phác thảo kế hoạch, lường trước các tác động sẽ giúp cho việc thực thi chính sách đảm bảo các mục tiêu đề ra.

2.1.2. Đánh giá tác động của chính sách

Tác động của chính sách giáo dục thể hiện thông qua việc chính sách đó được thực thi như thế nào trong thực tiễn. Khi một chính sách đã được thực hiện theo thời gian dự kiến để tạo ra những kết quả dự định, cần xem xét hoặc đánh giá tác động của chính sách đó. Từ đó, chú trọng đo lường kết quả chính sách theo mức độ tác động, nhân tố tác động hoặc chịu tác động của chính sách. Hơn nữa, có thể lùi thời điểm đánh giá cuối cùng về chính sách để có được nhiều minh chứng hoặc nhận diện rõ hơn các tác động của chính sách từ văn bản tới thực tiễn. Tuy nhiên, việc đánh giá thường xuyên lại cung cấp thông tin để có thể điều chỉnh sách phù hợp với bối cảnh thực tiễn.

Đánh giá tác động chính sách cần thực hiện cùng một hệ thống tiêu chuẩn trong toàn bộ giai đoạn đánh giá, các vấn đề quan tâm, đó là: tác động thực sự của chính sách là gì? Các tác động đó có đem lại những thay đổi như dự

kiến hay không? Những thay đổi đó có phù hợp? Chi phí có ngăn cản việc thực hiện những thay đổi đó? Chính sách có gắn với chính trị và xã hội? Những tác động có bền vững hoặc khả thi?

2.1.3. Điều chỉnh chính sách

Thực thi chính sách không chỉ là văn bản đã thống nhất mà còn phụ thuộc vào các điều kiện thực tiễn, các chính sách không thể hoàn hảo từ văn bản tới thực tế, do vậy các điều chỉnh hoặc thậm chí thiết kế lại mức độ của chính sách là cần thiết. Hơn nữa, những thay đổi chính sách giáo dục thường diễn ra khi có nhiều tranh luận, phân tích, ràng buộc lợi ích không chỉ hiện tại mà còn những kì vọng của tương lai. Do vậy, quá trình chính sách không chỉ là cơ sở để xác định mức độ hiệu quả của chính sách đã thực hiện mà còn có thể dẫn đến quá trình của một chính sách mới.

2.2. Đánh giá tác động của chính sách

Đánh giá tác động của chính sách là việc phân tích, đánh giá tác động của chính sách đang được thực hiện đối với các nhóm đối tượng khác nhau nhằm lựa chọn giải pháp tối ưu khi thực hiện chính sách. Do đó, chính sách được đánh giá tác động thực hiện là chính sách đã thực hiện được một thời gian và có thể đo được tác động của chính sách

Nội dung đánh giá tác động thực hiện chính sách cần nêu rõ: vấn đề cần giải quyết; mục tiêu của chính sách; tác động tích cực, tiêu cực của chính sách; chi phí, lợi ích; tác động về giới (nếu có).

Đánh giá tác động thực hiện chính sách nhằm: - Giúp cơ quan có thẩm quyền thận trọng, khách quan khi xem xét, cân nhắc lựa chọn giải pháp hợp lí, khả thi và hiệu quả để giải quyết vấn đề thực tiễn dựa trên việc phân tích chi phí, lợi ích, các tác động tích cực và tiêu cực đối với cá nhân, tổ chức và cơ quan nhà nước do thi hành chính sách nếu được ban hành; - Nâng cao chất lượng của chính sách do việc phân tích, đánh giá được thực hiện bằng các phương pháp khoa học dựa trên các thông tin, dữ liệu, số liệu được thu thập từ các nguồn thông tin rõ ràng, tin cậy; - Công khai các thông tin trong quá trình thực thi và điều chỉnh chính sách thông qua việc lấy ý kiến của các đối tượng chịu tác động trực tiếp trong suốt quá trình xây dựng, thẩm định, soạn thảo, thẩm tra và thông qua dự thảo văn bản quy phạm pháp luật; - Đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của các chính sách, quy định pháp luật đối với hệ thống pháp luật của Việt Nam và các điều ước quốc tế.

2.3. Đánh giá tác động chính sách không thu học phí của sinh viên sư phạm ở Việt Nam

Chính sách SVSP không phải nộp học phí được quy định tại Điều 89 của Luật Giáo dục 2005: *Học sinh, SVSP, người theo học các khóa đào tạo nghiệp vụ sư phạm không phải đóng học phí* (Quốc hội, 2005). Mục đích của việc hỗ trợ học phí cho SVSP nhằm thu hút học sinh giỏi, tạo điều kiện để các em yên tâm học tập và công tác sau này. Trong những năm qua, khi thực hiện chính sách không thu học phí của SVSP, thì phần kinh phí của các cơ sở đào tạo SVSP do ngân sách nhà nước bảo đảm, thông qua việc cấp chi thường xuyên và cấp bù học phí.

Tuy nhiên, cho đến nay, chính sách này không còn phù hợp và đã có những tác động không tích cực đến các đối tượng thụ hưởng. Cụ thể, chính sách này có tác động lên 3 nhóm đối tượng, gồm: cơ quan cấp phát kinh phí, ban hành văn bản, phân bổ tài chính; theo dõi thủ tục pháp lí và theo dõi kết quả thực hiện mục tiêu của chính sách; đơn vị thụ hưởng gián tiếp đó là các cơ sở giáo dục và đối tượng thụ hưởng trực tiếp chính sách là học sinh, sinh viên (SV).

Việc đánh giá tác động được thực hiện trên 6 mặt, gồm tác động về mặt kinh tế, xã hội, giáo dục, thủ tục hành chính, thủ tục pháp luật và tác động về giới. Chúng tôi đã tiến hành khảo sát 42 cán bộ quản lí (CBQL) các cấp, 48 CBQL ở trường phổ thông, 140 giảng viên, 24 SV, 80 học sinh phổ thông, 80 phụ huynh học sinh, 180 SV đã tốt nghiệp tại một số trường đại học sư phạm, cao đẳng sư phạm trên địa bàn TP. Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng và Thái Nguyên vào tháng 4-10/2019; các phương pháp khảo sát được tiến hành: thông qua phiếu khảo sát, tọa đàm khoa học và phỏng vấn trực tiếp.

2.3.1. Tác động đối với cơ quan nhà nước

Chính sách không thu học phí của SVSP ảnh hưởng tới hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước. Thực tế nguồn kinh phí trong ngân sách nhà nước dùng để miễn học phí cho SPSV là không nhỏ. Những năm gần đây có tình trạng dư thừa giáo viên, Bộ GD-ĐT đã giảm dần chỉ tiêu đào tạo SVSP, nhưng thực tế mức kinh phí từ ngân sách dùng để cấp bù học phí cho trường sư phạm vẫn tăng hằng năm. Cụ thể, năm 2011, trong hơn 4.000 tỉ đồng ngân sách chi cho giáo dục thì riêng dự toán chi bù học phí cho các trường sư phạm trực thuộc Bộ GD-ĐT theo khung học phí quy định tại Nghị định 49 là gần 250 tỉ đồng. Đến năm 2012, tổng mức chi bù học phí thực tế từ nguồn ngân sách cho các trường sư phạm trực thuộc Bộ GD-ĐT đã nâng lên con số hơn 354 tỉ đồng. Năm 2013, dự toán của Bộ GD-ĐT về mức chi ngân sách bù học phí cho SVSP ở các trường đại học, cao đẳng và cấp bù miễn giảm học phí tăng lên hơn 440 tỉ đồng, năm 2014 dự toán ngân sách phân bổ cho nhiệm vụ này lại tăng lên hơn 484 tỉ đồng.

Số lượng SV ra trường không theo nghề sư phạm vẫn còn. Như vậy, số lượng SV không theo ngành sư phạm sẽ làm việc ngoài ngành, điều này dẫn đến sự đầu tư của Nhà nước không mang lại hiệu quả như mong muốn. Khảo sát thực tiễn chúng tôi nhận thấy, ở một số trường đại học đào tạo SVSP, SV một số khoa theo ngành Sư phạm sau khi ra trường không quá 50%. Tất cả những biểu hiện này cho thấy sự thiếu cân bằng và cần được điều chỉnh.

2.3.2. Tác động đối với người học

Việc được miễn giảm học phí là một trong những lí do chính, thu hút SV chọn ngành Sư phạm. Chính sách này đã có tác động thúc đẩy một số lượng SV đăng kí học ngành này. Tuy nhiên, vấn đề đặt ra là: Việc thực thi chính sách trong những năm gần đây có còn phù hợp không? Có còn tác động tích cực đến việc thu hút học sinh giỏi vào học các trường sư phạm hay không?

Nghiên cứu tại một số trường đại học như: Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng và một số trường đại học, cao đẳng sư phạm khác, chúng tôi nhận thấy, nhiều SV năm thứ nhất chọn học tại trường với lí do “miễn học phí”. Như vậy, điều này có thể ảnh hưởng không tích cực đến hiệu quả hướng nghiệp. Nói rộng hơn, tác động của giáo dục hướng nghiệp và hiệu quả của nó đã bị chi phối bởi yếu tố học phí. Đó cũng chính là lí do vì sao nhiều năm qua SVSP chưa phải là miền chọn nghề tối ưu theo mô hình hướng nghiệp hiện đại.

Kết quả khảo sát cũng cho thấy, có 17,8% SV khẳng định gia đình của các em có khả năng đóng tiền học phí; 24,6% SV khẳng định bản thân có khả năng tự đóng học phí và 22,1% SV khẳng định rằng vẫn tiếp tục học ngành Sư phạm dù không được miễn học phí. Do vậy, chưa có đủ luận cứ để khẳng định rằng SVSP có hoàn cảnh khó khăn sẽ bỏ học nếu chính sách này không còn tồn tại. Nói cách khác, SVSP có thể gặp một số khó khăn nếu không được miễn học phí, nhưng không vì thế mà các em sẽ bỏ học hay không theo học ngành Sư phạm.

Cùng với sự thay đổi của đời sống KT-XH, việc đóng học phí cho con đi học không còn là nỗi lo lắng của nhiều gia đình, 32,8% phụ huynh khi được hỏi cho rằng có khả năng trang trải học phí cho con em mình khi vào đại học. Bên cạnh đó, việc SVSP ra trường khó xin được việc làm, lương thấp là một rào cản rất lớn trong việc thu hút những học sinh giỏi vào các trường sư phạm.

Trong khi đó, các học sinh khá, giỏi thường sẽ có nhiều sự lựa chọn để theo học các ngành nghề khác nhau. Khi đó, ngành Sư phạm sẽ trở thành sự lựa chọn của những SV có học lực trung bình hoặc trở thành nguyện vọng 2 khi những ngành nghề khác không đủ điểm đầu vào. Điều này thường diễn ra ở những trường sư phạm ở địa phương.

Có thể thấy, một lực lượng không nhỏ SVSP sau khi tốt nghiệp đã chuyển sang làm ngành nghề, lĩnh vực khác do không tìm được việc làm phù hợp hoặc do sức hấp dẫn ở các ngành nghề khác về tiền lương hoặc chế độ đãi ngộ, cơ hội thăng tiến... Điều này dẫn đến sự lãng phí về ngân sách nhà nước đầu tư cho những SV này và tạo ra sự mất cân bằng nhất định so với những SV của các ngành khác.

2.3.3. Tác động đối với cơ sở đào tạo giáo viên

Khi được khảo sát, 72,3% CBQL ở các trường sư phạm cho rằng, bị động trong việc tự chủ do dựa vào nguồn ngân sách cấp bù. Do chính sách miễn học phí cho SVSP, kinh phí hoạt động của các trường sư phạm chủ yếu dựa vào ngân sách nhà nước nên việc đầu tư cơ sở vật chất, các phương tiện dạy học hiện đại hay dụng cụ thí nghiệm, thực hành là một khó khăn đối với các trường sư phạm.

Bên cạnh đó, trong xu thế hội nhập, ở các trường sư phạm sẽ nảy sinh các vấn đề sau:

- Việc tự chủ tài chính là một trong những nội dung quan trọng, ảnh hưởng đến vấn đề tự chủ của nhà trường. Điều đó cho thấy, đảm bảo chính sách miễn học phí ít nhiều cũng ảnh hưởng đến quyền tự chủ của các trường sư phạm.

- Mỗi trường sư phạm có hình ảnh và thương hiệu khác nhau. Sự đầu tư công sức, trí tuệ và vật chất để phát triển thương hiệu cũng như duy trì nó là một quá trình dài lâu. Chính sách bù học phí sẽ không khuyến khích được các trường phấn đấu về tỉ lệ “chơi” hay điểm tuyển sinh đầu vào.

- Nếu xét theo cơ chế cạnh tranh, các trường đại học nói chung và các trường sư phạm nói riêng sẽ phải cạnh tranh về mức học phí trong tương quan với chất lượng đào tạo để thu hút SV. Mức học phí do các trường tự quyết định, nên chính sách này cũng ảnh hưởng nhất định đến các quyết sách của nhà trường, trong đó chi phí và tài chính là một trong những vấn đề cơ bản.

- Do quan niệm nguồn tài chính của Bộ GD-ĐT cấp là có sẵn nên nhiều trường có mong muốn tuyển được nhiều SV. Thực tế này dẫn đến việc tuyển sinh ồ ạt nhưng chất lượng đầu vào không cao.

- Nguồn ngân sách chi thường xuyên cũng được sử dụng từ nguồn quỹ. Điều này dẫn đến sự “lập khung” chi nên các trường sư phạm chưa thể mạnh dạn đầu tư cho các hoạt động mũi nhọn như nghiên cứu khoa học, nâng cao chất

lượng đào tạo bằng các định hướng đột phá. Điều này khiến cho các trường sư phạm vẫn theo phương thức truyền thống từ tư duy đến hành động, chưa có những bước tiến mang tính đột phá.

- Chính sách này còn có những hạn chế khi đặt trong tổng thể về GD-ĐT, đặc biệt là tính hiệu quả giữa đầu vào (miễn học phí) và đầu ra (tìm việc, mức lương cao thỏa đáng, chế độ lương thích hợp,...). Vấn đề này cần được xem xét khi nhìn nhận các định hướng mới về vấn đề tuyển dụng, sử dụng cũng như trả lương cho giáo viên nhằm góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực sư phạm.

Như vậy, có thể nói, chính sách này tuy thu hút được một số đối tượng học sinh chọn ngành Sư phạm nhưng chưa hẳn đã là yếu tố thúc đẩy mang tính tích cực và bền vững.

2.4. Chính sách hỗ trợ tài chính cho sinh viên sư phạm tại một số quốc gia

Nghiên cứu chính sách hỗ trợ tài chính cho SV một số quốc gia trên thế giới, chúng tôi nhận thấy:

- *Tại Mĩ:* để thu hút học sinh có học lực tốt trở thành giáo viên và duy trì đội ngũ giáo viên có năng lực ở những vùng thiếu hụt giáo viên, Mĩ duy trì một số chương trình hỗ trợ tài chính cho các SVSP. Chương trình TEACH trợ cấp cho SV cam kết sẽ dạy học ở những vùng khó khăn trong vòng 4 năm. Chương trình Stafford xóa nợ cho SV với mức tối đa là 17.500 USD nếu SV cam kết dạy một số một học theo yêu cầu ở những vùng khó khăn trong 5 năm liên tục. Do vậy, giáo viên là người được hưởng lợi từ các chương trình này. Ngoài ra, mỗi bang có chính sách hỗ trợ tài chính riêng cho SV.

- *Tại Anh:* để thu hút SV vào học ở các trường sư phạm, các thông tin hướng dẫn trở thành giáo viên rất phổ biến. Tuy nhiên, chính sách tài chính đối với SVSP không khác biệt so với SV học các ngành khác. SVSP vẫn phải đóng học phí và được tham gia các chương trình hỗ trợ tài chính. Có 04 dạng công cụ tài chính chủ yếu hỗ trợ SVSP: 1) Học bổng tài năng được cấp cho người học có kết quả học tập đạt loại khá trở lên và dạy học một số môn học theo yêu cầu; 2) Học bổng tài chính được cấp cho SV ở một số ngành với mức học bổng tùy thuộc vào nhu cầu tài chính của SV; 3) Tín dụng SV được cấp cho mọi đối tượng; 4) Đối với SVSP, có thể tham gia chương trình nhận lương trực tiếp từ các trường mà các em thực tập sư phạm.

- *Tại Pháp:* với chương đào tạo giáo viên nối tiếp (4 năm đại học chuyên ngành + 2 năm sư phạm). SV trong thời gian theo học ngành Sư phạm sẽ được coi là thực tập sinh, được hỗ trợ kinh phí (lương cho người học việc). Để trở thành giáo viên chính thức, người học phải ở trình độ thạc sĩ và vượt qua kì thi sát hạch (chứng chỉ hành nghề). Nước Pháp quy định mọi quyền lợi chính sách về đào tạo và điều kiện làm việc của giáo viên của trường công lập cũng như trường tư thục.

- *Tại Đức:* trong suốt quá trình học đại học (ở tất cả các chuyên ngành), ở hầu hết các tiểu bang, SV không phải đóng tiền học phí. SV chỉ phải đóng tiền lệ phí hành chính (lệ phí đăng kí) khoảng từ 100-150 Euro/năm tùy theo từng trường.

- *Tại Singapore:* Bộ Giáo dục Singapore rất thận trọng trong tuyển chọn những giáo viên tiềm năng từ số học sinh thuộc nhóm dẫn đầu về thành tích học tập sau khi tốt nghiệp trung học phổ thông. Ngoài thành tích học tập, người học được tuyển chọn cần có sự yêu thích, cam kết gắn bó với công việc giảng dạy. Các giáo viên tiềm năng trong thời gian đào tạo sẽ được hưởng mức trợ cấp tương đương 60% lương của giáo viên chính thức. Tuy nhiên, vì được hưởng quyền lợi này nên họ cũng phải cam kết sẽ tham gia giảng dạy trong ít nhất 3 năm sau khi chính thức vào nghề.

Tại Hàn Quốc: Trước đây, Hàn Quốc miễn học phí cho SVSP. Hiện nay, đã áp dụng thu học phí nhưng có rất nhiều học bổng để thu hút SV giỏi vào sư phạm.

Tại Trung Quốc: Áp dụng chính sách miễn học phí cho SVSP dành cho những khu vực thiếu giáo viên. Theo chính sách này, Nhà nước sẽ chi khoảng 10 nghìn NDT/năm (20 triệu đồng) cho mỗi SVSP. SV được yêu cầu phải giảng dạy trong một khu vực nông thôn được chỉ định từ 5-8 năm sau tốt nghiệp. Những ai vi phạm thỏa thuận sẽ phải hoàn trả toàn bộ học phí cùng một mức tiền phạt.

Tại Cu Ba: Thực hiện chính sách cho SVSP được miễn học phí, sinh hoạt phí và bố trí công việc sau khi tốt nghiệp.

Nghiên cứu về chính sách thu hút và hỗ trợ SV nói chung và SVSP nói riêng, các chính sách tiền lương và điều kiện làm việc cho giáo viên ở các nước cho thấy, ở hầu hết các nước, thị trường quyết định tính hấp dẫn của nghề dạy học. Khi các lĩnh vực khác của nền kinh tế bắt đầu phát triển thì dòng chảy đột ngột của các giáo viên giỏi sang những công việc khác hấp dẫn hơn. Nếu ngành Sư phạm không đáp ứng các nhu cầu về tiền lương và điều kiện làm việc, các chính sách hỗ trợ SVSP thì vô hình chung sẽ tạo ra lực đẩy khiến người giỏi không theo học ngành Sư phạm và giáo viên giỏi không ở lại với nghề dạy học.

2.5. Một số gợi ý về chính sách không thu học phí của sinh viên sư phạm ở Việt Nam hiện nay

Kết quả nghiên cứu thực trạng tác động chính sách không thu học phí của SVSP và tổng kết kinh nghiệm ở một số quốc gia trên thế giới cho thấy, trong những năm gần đây, khi các lĩnh vực khác của nền kinh tế phát triển, sức hút về các ngành đó đã làm thay đổi nhận thức của người học về giá trị nghề nghiệp. Do đó, theo chúng tôi cần xây dựng những chính sách hỗ trợ mới đối với ngành Sư phạm và chính sách về phân bổ việc làm cho người học sau khi ra trường. Đối với chính sách hỗ trợ SVSP, để có thể thực hiện được mục tiêu nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và không lãng phí nguồn ngân sách nhà nước, theo chúng tôi cần xem xét vấn đề sau:

- Vấn đề hỗ trợ học phí cho người học có thể có nhiều mức khác nhau. Chẳng hạn, với người học có cam kết làm việc tại khu vực khó khăn, khu vực thiếu giáo viên sẽ được hỗ trợ một mức, với người học cam kết theo nghề sẽ được hỗ trợ một mức khác. Khi xây dựng định mức hỗ trợ cần lấy mức lương cơ bản làm căn cứ để xây dựng.

- Về hình thức hỗ trợ: Có thể lựa chọn nhiều hình thức để tối ưu hóa nguồn kinh phí của Nhà nước và đảm bảo yêu cầu phát triển năng lực người học, trong đó xem xét việc cấp tín dụng đồng đều cho tất cả SV, riêng SV tài năng được cấp học bổng, SV có hoàn cảnh khó khăn sẽ được hỗ trợ ở một mức kinh phí nhất định. Nếu SV cam kết làm việc ở khu vực khó khăn và khu vực thiếu giáo viên sẽ được hỗ trợ ở một mức kinh phí, SV cam kết theo nghề được hỗ trợ ở một mức kinh phí khác,...

- Kiểm soát đầu ra và thu hồi ngân sách đối với SV không theo nghề sẽ giảm thiểu việc lãng phí nguồn ngân sách của Nhà nước.

3. Kết luận

Trong quy trình phát triển chính sách, đánh giá tác động chính sách sau một thời gian thực hiện là cần thiết để thực hiện điều chỉnh và bắt đầu cho một quy trình mới. Đánh giá tác động chính sách nhằm mục đích phân tích các tác động tích cực và tiêu cực lên từng nhóm đối tượng chịu ảnh hưởng của chính sách, từ đó đối chiếu với mục tiêu của chính sách để có sự điều chỉnh phù hợp. Nội dung đánh giá chính sách có liên quan tới các mặt kinh tế, chính trị, văn hóa, thủ tục hành chính, thủ tục pháp luật và tác động về giới, trong đó mỗi chính sách, mỗi nhóm đối tượng thụ hưởng sẽ chịu các mức độ tác động khác nhau. Do đó, cần xem xét, xây dựng chính sách mới đối với SVSP nhằm tối ưu hóa nguồn ngân sách đầu tư cho ngành Giáo dục mà vẫn đảm bảo mục tiêu xây dựng chính sách, tham khảo các chính sách hỗ trợ SVSP của nhiều quốc gia trên thế giới để có thể vận dụng linh hoạt vào Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

Bộ GD-ĐT (2011). *Bài học tổng quan kinh nghiệm quốc tế và đề xuất kiến nghị về chính sách học bổng cho sinh viên và học sinh dân tộc thiểu số* (báo cáo dự án phát triển giáo viên trung học phổ thông và trung cấp chuyên nghiệp, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam và DHA Co.LTD, Hà Nội).

Bernd Meier, Nguyễn Văn Cường (2009). *Lí luận dạy học hiện đại*. NXB Đại học Sư phạm.

Đào Bích Thủy (2017). *Đánh giá thực tiễn mức độ ảnh hưởng và hiệu quả của chính sách đối với giáo viên giáo dục hòa nhập*. Kì yếu hội thảo 2017, chuyên ngành Quản lí giáo dục, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, tr 218-204.

Đặng Xuân Hải, Nguyễn Sỹ Thư (2012). *Quản lí giáo dục, quản lí nhà trường trong bối cảnh thay đổi*. NXB Giáo dục Việt Nam.

Lưu Xuân Mới (2000). *Lí luận dạy học đại học*. NXB Giáo dục.

Nguyễn Thị Thu Hằng (chủ biên, 2015). *Thực trạng tác động và giải pháp nâng cao chương trình mục tiêu quốc gia Giáo dục và Đào tạo trên địa bàn Tây Bắc* (sách chuyên khảo). NXB Hồng Đức.

Quốc hội (2005). *Luật Giáo dục năm 2005*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.